

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 19- 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hồng

Thẩm phán: Ông Trần Trung Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm

Bà Phạm Thị P Bình

Ông Phạm Trung Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lê Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:18/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Lương Đình Đ, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1957, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn 3, xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đình H và bà Lê Thị P (đều đã chết); có vợ là Hà Thị V và 04 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 06/7/2017, hiện đang tạm giam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Hữu T – Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ: Số 482 M, phường H, thành phố B, tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người bị hại:

- Chị Quán Thị N – Trú tại: Khu 9, xã V, huyện K, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Anh Phạm Văn C – Trú tại: Khu phố 2, thị trấn A, huyện N, tỉnh Yên Bái.
Vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Kim O – Trú tại: Thôn I, xã L, thành phố B, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt.

- Chị Cao Thị G, vắng mặt.
- Anh Hà Văn Q. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Th, xã Ng, huyện Tr, tỉnh Yên Bái.

- Chị Đặng Thị Lan H1, vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị X, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn 5, xã Đ1, huyện Tr, tỉnh Yên Bái.

- Chị Nguyễn Thị D – Trú tại: Khu phố 3, thị trấn C, huyện Tr, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Mai Kh – Trú tại: Tổ 54, phường T1, thành phố B, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

Người bị hại đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Hoài P - Trú tại: Thôn 1, xã M, thành phố B, tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Đàm Thị Mai U, vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn Ê, vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu phố 3, thị trấn C, huyện Tr, tỉnh Yên Bái.

- Chị Nông Lan Ph – Trú tại: Khu phố 5, thị trấn C, huyện Tr, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

- Chị Dương Thị Hồng Th1 – Trú tại: Tổ 11, phường T1, thành phố B, tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Trịnh Tiến H2. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đình H3. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu 9, xã V, huyện K, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Cù Vĩnh L1 – Trú tại: Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2012 đến tháng 6/2017, Lương Đình Đ đưa ra các thông tin giả là mình có quan hệ rộng, có khả năng xin việc làm vào biên chế Nhà nước và chạy cho các trường hợp thi Công chức vào công tác tại các ngành Y tế, Giáo dục, Giao thông vận tải, Kiểm lâm trên địa bàn tỉnh Yên Bái để nhận và chiếm đoạt tổng số tiền là 1.310.000.000 đồng (một tỷ ba trăm mười triệu đồng) của nhiều người trong và ngoài tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

Khoảng đầu năm 2012, qua tư vấn Bảo hiểm Lương Đình Đ quen chị Nguyễn Thị Hoài P và giới thiệu với chị P là có quen biết một số lãnh đạo sở Y Tế tỉnh Yên

Bái, có khả năng chạy, xin việc cho người khác vào làm trong ngành Y tế với chi phí từ 60.000.000 đồng trên một hồ sơ, xem ai có nhu cầu xin việc thì giới thiệu cho Đ. Do tin tưởng Đ, nên từ tháng 01/2012 đến tháng 9/2014 Nguyễn Thị Hoài P đã nhận của bà Phạm Thị Kim O 150.000.000 đồng, bà Nhữ Thị U 120.000.000 đồng và P đã ứng số tiền 180.000.000 đồng chuyển cho Đ để nhờ xin việc cho 05 trường hợp vào làm việc trong ngành Y tế tỉnh Yên Bái. Tổng số tiền Lương Đình Đ đã nhận của chị Nguyễn Thị Hoài P là 450.000.000 đồng. Số tiền này Lương Đình Đ khai đã đưa 285.000.000 cho Dương Thị Hồng Th1, trú tại tổ 11, phường T1, thành phố B, tỉnh Yên Bái để nhờ Th1 xin việc cho 5 trường hợp trên, còn 165.000.000 Đ giữ lại để tiêu dùng cá nhân. Quá trình điều tra Dương Thị Hồng Th1 khai số tiền Lương Đình Đ đưa cho Th1 là tiền Đ trả nợ Th1.

Với thủ đoạn như trên, vào khoảng cuối năm 2014 đầu năm 2015 Lương Đình Đ làm quen với vợ chồng anh Nguyễn Văn Ê và Đàm Thị Mai U và giới thiệu với vợ chồng anh Ê là có thân quen với ông K1 làm phó giám đốc sở giáo dục đào tạo tỉnh Yên Bái, nên có khả năng xin vào công chức Nhà nước. Nếu có con cháu nào có nhu cầu thì liên hệ với Đ. Vợ chồng anh Ê đã nhận 07 bộ hồ sơ với tổng số tiền 650.000.000 đồng của các gia đình để nhờ Đ xin việc cụ thể:

Nhận của bà Cao Thị G 90.000.000 đồng để xin cho con gái là Trần Thị Kiều Tr1 vào làm giáo viên trường mầm non xã Đ1, huyện Tr, tỉnh Yên Bái. Nhận của ông Hà Văn Q 110.000.000 đồng để xin cho con gái là Hà Minh Á vào làm việc ở Sở giáo dục đào tạo tỉnh Yên Bái. Nhận của chị Đặng Thị Lan H1 130.000.000 đồng để xin cho em gái là Đặng Thị T2 vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái. Nhận của bà Nguyễn Thị X 100.000.000 đồng để xin cho con gái Đinh Thị L2 vào làm giáo viên trường tiểu học xã Đ2 hoặc xã Đ1, huyện Tr, tỉnh Yên Bái. Nhận của bà Nguyễn Thị D 70.000.000 đồng để xin cho con trai Lương Văn C2 vào làm việc tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Yên Bái. Thông qua chị Nông Lan Ph, vợ chồng anh chị Ê, U đã nhận của chị Nguyễn Thị Mai Kh số tiền 180.000.000 đồng để xin cho hai cháu vào làm việc tại Hạt kiểm lâm thành phố B và Sở giao thông vận tải tỉnh Yên Bái. Toàn bộ 07 bộ hồ sơ và số tiền 650.000.000 đồng mà vợ chồng anh Ê đã nhận của những người trên, vợ chồng anh, chị U, Ê đã chuyển cho Lương Đình Đ làm nhiều lần tại nhà của chị U. Số tiền này Lương Đình Đ dùng để trả nợ, đầu tư chơi đa cấp, tham gia bảo hiểm và tiêu dùng hết. Sau khi biết Đ không xin được việc cho bảy trường hợp trên nên vợ chồng anh, chị U, Ê đã trả lại tiền cho các gia đình trên.

Ngoài ra khoảng tháng 8/2016, thông qua ông Nguyễn Đình H3, Đ gặp và giới thiệu với bà Quán Thị N là có em gái lấy chồng làm ở Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái, có khả năng xin được việc. Bà N đã nhờ Đ xin việc cho con gái là Phùng Thị R. Đ đã hứa có thể xin được cho cháu R vào làm giáo viên trường Trung học cơ sở xã Minh Q1, huyện Tr, tỉnh Yên Bái với chi phí là 160.000.000 đồng. Bà N đồng ý nên đã làm hồ sơ và nhiều lần đưa cho Lương Đình Đ với Tổng số tiền là 110.000.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 6/2017, thông qua ông Cù Vĩnh L1, trú tại tổ 6, thị trấn Y,

huyện Y, tỉnh Yên Bái, ông Phạm Văn C, trú tại khu phố 2, thị trấn A, huyện N, tỉnh Yên Bái đã đến nhà nhờ Lương Đình Đ xin cho con ông C là Phạm Anh S vào làm ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái, với chi phí là 250.000.000 đồng. Ông C đã đưa cho Đ 01 bộ hồ sơ và 100.000.000 đồng.

Do Lương Đình Đ không xin được việc cho các trường hợp trên như đã hứa chị Nguyễn Thị Hoài P, chị Đàm Thị Mai U và bà Quán Thị N đến nhà Đ đòi nhiều lần, nên Lương Đình Đ đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hoài P được 130.000.000 đồng, bà Quán Thị N 20.000.000 đồng, chị Đàm Thị Mai U 265.000.000 đồng. Tổng cộng là 415.000.000 đồng, còn lại 895.000.000 đồng chưa trả được cho những người bị hại.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-P2 ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên đã truy tố Lương Đình Đ về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng truy tố bị cáo và áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lương Đình Đ từ 14 năm đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại và người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hoài P số tiền: 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng;
- Bồi thường cho chị Đàm Thị Mai U và anh Nguyễn Văn Ê số tiền: 385.000.000 (ba trăm tám mươi lăm triệu) đồng.
- Bồi thường cho bà Quán Thị N số tiền là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.
- Bồi thường cho anh Phạm Văn C số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Về án phí: Bị cáo Lương Đình Đ phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và quan điểm giải quyết vụ án. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ 12 năm đến 13 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lương Đình Đ đồng ý với lời bào chữa của luật sư không

có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo và đồng ý bồi thường toàn bộ cho những người bị hại đã có yêu cầu.

Những người bị hại trong vụ án: Chị Nguyễn Thị Hoài P đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của chị là 320.000.000 đồng; đối với số tiền P còn cầm của bà Phạm Thị Kim O 150.000.000 đồng giữa bà O và chị P đã thỏa thuận tự giải quyết với nhau bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Quán Thị N đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của chị là 90.000.000 đồng.

- Chị Đàm Thị Mai U và anh Nguyễn Văn Ê vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 385.000.000 đồng.

- Ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của ông là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Tuy không có khả năng xin việc làm vào một số cơ quan Nhà nước, nhưng Lương Đình Đ đã đưa ra nhiều thông tin không đúng sự thật. Như có quen biết với một số người có chức vụ trong các ngành Y tế, Giáo dục của tỉnh Yên Bái và có em gái lấy chồng làm ở Sở nội vụ tỉnh Yên Bái, để mọi người tin tưởng là Đ có khả năng xin việc làm vào một số cơ quan Nhà nước nhằm chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng số tiền 1.310.000.000 đồng. Trong đó nhận chị Nguyễn Thị Hoài P 180.000.000 đồng để xin việc cho 03 trường hợp vào ngành y tế tỉnh Yên Bái là Hà Thị Ngọc F, Hoàng Thị Z, Nguyễn Thị Nh; nhận của bà Phạm Thị Kim O 150.000.000 đồng để xin việc cho con gái của bà O là Hồ Thị Phương Ng vào làm việc tại Bệnh viện Nội tiết tỉnh Yên Bái; nhận của bà Nhữ Thị U 120.000.000 đồng để xin cho con của bà U

là Hà Thanh J vào ngành Y tế tỉnh Yên Bái. Thông qua vợ chồng anh Nguyễn Văn Ê và chị Đàm Thị Mai U, Lương Đình Đ đã nhận của bà Cao Thị G 90.000.000 đồng để xin cho con gái bà G là Trần Thị Kiều Tr1 vào làm việc tại trường Mầm non xã Đ1, huyện Tr, Tỉnh Yên Bái; nhận của Hà Văn Q 110.000.000 đồng để xin cho con gái là Hà Minh Á vào làm việc tại Sở giáo dục tỉnh Yên Bái; nhận của chị Đặng Thị Lan H1 100.000.000 đồng để xin cho em gái là Đặng Thị T2 vào làm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái; nhận của Nguyễn Thị X 100.000.000 đồng để xin cho con gái chị X là Đinh Thị L2 vào làm giáo viên trường Tiểu học xã Đ2, huyện Tr, tỉnh Yên Bái; nhận của chị Nguyễn Thị D 70.000.000 đồng để xin cho con trai chị D là Lương Văn C2 vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái; nhận của chị Nguyễn Thị Mai Kh 180.000.000 đồng để xin cho hai cháu chị Kh vào làm việc tại Hạt kiểm lâm thành phố B và Sở giao thông vận tải tỉnh Yên Bái. Nhận của bà Quán Thị N 110.000.000 đồng để xin việc cho con gái bà N vào làm việc tại trường Trung học cơ sở xã Minh Q1, huyện Tr, tỉnh Yên Bái; nhận của anh Phạm Văn C 100.000.000 đồng để xin cho con anh C là Phạm Anh S vào làm việc tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lương Đình Đ đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng 19/CT-VKS-P2 ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên truy tố đối với Lương Đình Đ là có căn cứ đúng người, đúng tội được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây nên sự hiểu lầm của một số người dân về hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước trong việc tuyển dụng, thi tuyển cán bộ, công chức vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước. Do đó, cần phải có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm gây ra cho xã hội do hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người dân lương thiện.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” về hành vi phạm tội của mình; bị cáo “*tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại*” cho những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ngoài ra bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng “*Huân chương kháng chiến hạng ba*”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần của nhiều người nên ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được hưởng bị cáo còn phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhiều lần*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Hoài P đã đưa cho bị cáo Lương Đình Đ 450.000.000 đồng để xin việc cho Hà Thị Ngọc F, Hoàng Thị Z, Nguyễn Thị Nh, Hà Thanh J, Hồ Thị Phương Ng. Do không xin được việc Nguyễn Thị Hoài P dùng tiền của gia đình trả lại đầy đủ cho những người bị hại đã đưa tiền cho P để P nhờ Đ xin việc hộ. Những người P nhờ Đ xin việc hộ không có yêu cầu bồi thường gì, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.1]. Hiện tại bị cáo Lương Đình Đ còn nợ của chị Nguyễn Thị Hoài P là 320.000.000 đồng buộc bị cáo phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Hoài P.

[5.2]. Đối với số tiền Đ nhận của vợ chồng anh Nguyễn Văn Ê và chị Đàm Thị Mai U, tổng số tiền là 650.000.000 đồng để xin việc cho chị Trần Thị Kiều Tr1, Hà Minh Hằng, Đặng Thị Tình, Đinh Thị Lan, Lương Văn C2 và hai cháu của chị Nguyễn Thị Mai Kh. Do Đ không xin được việc làm cho những người bị hại, vợ chồng anh Nguyễn Văn Ê và Đàm Thị Mai U đã dùng tiền, tài sản của mình trả lại đủ cho các gia đình bị hại. Những bị hại đưa tiền cho anh Ê, chị U không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Trước và trong quá trình điều tra bị cáo Lương Đình Đ đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Ê, chị Đàm Thị Mai U 265.000.000 đồng, số tiền còn lại là 385.000.000 đồng buộc bị cáo phải trả lại cho anh Ê và chị U.

[5.3]. Đối với số tiền 110.000.000 đồng Lương Đình Đ đã chiếm đoạt của bà Quán Thị N, quá trình điều tra Lương Đình Đ đã trả được 20.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng, buộc bị cáo phải trả lại cho bà Quán Thị N.

[5.4]. Đối với số tiền 100.000.000 đồng Lương Đình Đ đã chiếm đoạt của anh Phạm Văn C, Đ thừa nhận chưa trả được đồng nào, buộc bị cáo phải trả lại cho anh C số tiền 100.000.000 đồng.

[5.5]. Đối với số tiền 150.000.000 đồng P nhận của bà Phạm Thị Kim O để nhờ Đ xin việc cho con bà O là Hồ Thị Phương Ng, chị P và bà O đã thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Đối với Dương Thị Hồng Th1 và Nguyễn Tiến C1 là chồng của Dương Thị Hồng Th1; Đ khai do tin tưởng Th1 giới thiệu có anh chồng nguyên là Giám đốc Công an tỉnh Yên Bái, nguyên là Bí thư huyện ủy Trấn Yên, có thể xin việc làm cho người khác. Nên Đ mới nhận 450.000.000 đồng của Nguyễn Thị Hoài P để xin việc cho 05 trường hợp vào ngành Y Tế tỉnh Yên Bái và Đ đã chuyển cho Th1 285.000.000 đồng. Do không xin được việc như đã hứa, Đ bàn với Th1 nhờ chồng Th1 là Nguyễn Tiến C1 đóng giả là Giám đốc Bệnh viện Nội tiết tỉnh Yên Bái và Giám đốc Trung tâm phòng chống bệnh xã hội tỉnh Yên Bái, để gặp và tạo lòng tin cho một số bị hại, còn Th1 đóng giả cán bộ Sở y tế để nói chuyện với Nguyễn Thị Hoài P có nhu cầu xin việc cho các bị hại. Về những nội dung Đ khai Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung. Tuy nhiên, Dương Thị Hồng Th1 không thừa nhận lời khai của Lương Đình Đ và hiện tại Nguyễn Tiến C1 không có mặt tại địa phương, do đó, cơ quan điều tra chưa chứng minh được Th1 và C1 có liên quan đến hành vi phạm tội

của Đ nên chưa có căn cứ để xử lý đối với C1 và Th1 là đúng với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái và cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái tiếp tục kiểm tra xác minh đối tượng là Nguyễn Tiến C1 để làm rõ những nội dung như Đ đã khai nếu có căn cứ thì xử lý bằng một vụ án khác để không bỏ lọt người phạm tội.

[7]. Đối với Nguyễn Thị Hoài P và Nguyễn Văn Ê, Đàm Thị Mai U, do tin tưởng Lương Đình Đ có thể xin được việc, nên đã nhận tiền và hồ sơ xin việc của những người bị hại sau đó chuyển lại cho Đ. Do Đ không xin được việc, đã tự nguyện trả lại tiền cho những gia đình bị hại. Xét thấy các đối tượng này không có hành vi gian dối, không có mục đích chiếm đoạt tài sản cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lương Đình Đ phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Đình Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lương Đình Đ 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt ngày 06/7/2017.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và khoản 4 Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là: 895.000.000 đồng (tám trăm, chín mươi lăm triệu đồng) cụ thể:

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hoài P số tiền: 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng;

- Bồi thường cho chị Đàm Thị Mai U và anh Nguyễn Văn Ê số tiền: 385.000.000 (ba trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

- Bồi thường cho bà Quán Thị N số tiền là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

- Bồi thường cho anh Phạm Văn C số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm

a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Đình Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 38.850.000 (ba mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 -TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo (Trại tạm giam);
- Người bị hại ;
- Người có QLNVLQ ;
- Luật sư;
- THA ;
- Lưu HS; THS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Trọng Hồng